CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG 305 -----oo0oo----- *Số: 20/2026/CV -PTN*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** *Độc lập - Tự do - Hạnh phúc* -----oo0oo-----

(V/v: Công bố năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng- Trạm thí nghiệm hiện trường)

Tuyên Quang, ngày 06 tháng 08 năm 2026

Kính gửi: Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng 305 là tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng. Để thực hiện công khai năng lực thí nghiệm chuyên ngành xây dựng chúng tôi đã thực hiện rà soát, đăng tải thông tin công bố công khai về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của mình tại địa chỉ Website: tuvanxaydung305.com. Nay chúng tôi xin gửi đến quý Sở xây dựng thành phố Đà Nẵng bản tự công bố, công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng kèm theo công văn này.

Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng 305 kính đề nghị Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng xem xét, tiếp nhận và đăng tải thông tin năng lực hoạt động thí nghiệm của đơn vị lên trang thông tin điện tử của quý sở theo quy định./.

Trân trọng cám ơn./.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG 305

Nơi nhận:
- *Sở Xây dựng TP. Đà Nẵng;*
- *Lưu: VP; Phòng thí nghiệm*

M.S.D.N: 5100 300 084 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG 305
P.HÀ GIANG 2 - T.TUYÊN QUANG

GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG 305 -----oo0oo----- *Số: 21/2026/QĐ-TTN*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** *Độc lập - Tự do - Hạnh phúc* -----oo0oo-----
(V/v: Công bố năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng- Trạm thí nghiệm hiện trường)	*Tuyên Quang, ngày 06 tháng 08 năm 2026*

BẢN CÔNG BỐ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng 305 công bố công khai thông tin về năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

1. Thông tin tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

1.1. Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng 305**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 5100300084

Địa chỉ: Số nhà 310, tổ 11, phường Hà Giang 2, tỉnh Tuyên Quang

Điện thoại: 0942101550 Email: vp305hg@gmail.com

1.2. Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình**

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Số nhà 310, tổ 11, phường Hà Giang 2, tỉnh Tuyên Quang

1.3. Thông tin trạm thí nghiệm hiện trường:

Gói thầu: EC – Thiết kế và Xây lắp Dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 14D; Địa điểm: Các xã Bến Giằng, Nam Giang, La Dêê – Tp. Đà Nẵng

Địa chỉ đặt trạm :Nhà văn hóa thôn Tà Bhing, xã Bến Giằng, Tp Đà Nẵng

Quyết định thành lập trạm:20/2026/QĐ-CT

CÔNG TY CPTVXD 305

Số: 20/2026/QĐ-CT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày 05 tháng 08 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập trạm thí nghiệm hiện trường chuyên ngành xây dựng

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG 305

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số: 88/2006/NĐ-CP ngày 29/08/2006 của Chính phủ về Đăng ký kinh doanh;

Căn cứ quyết định số 11/2008/QĐ-BXD ngày 01/07/2008 của bộ trưởng bộ xây dựng về việc ban hành quy chế công nhận và quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ hợp đồng kinh tế giữa công ty cổ phần GT xây dựng số 1 và công ty cổ phần tư vấn xây dựng 305;

Xét tình hình kinh doanh của Công ty;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập trạm thí nghiệm hiện trường chuyên ngành xây dựng mã số LAS-XD905, phục vụ : Gói thầu: EC – Thiết kế và Xây lắp Dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 14D; Địa điểm: Các xã Bến Giằng, Nam Giang, La Dêê – Tp. Đà Nẵng; Địa chỉ đặt trạm :Nhà văn hóa thôn Tà Bhing, xã Bến Giằng, Tp Đà Nẵng

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi dự án hoàn thành.

Điều 3. Phòng LAS-XD905. Thủ trưởng cơ sở quản lý phòng thí nghiệm nêu tại điều 1 và các phòng ban liên quan có trách nhiệm thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3
- Lưu VP

Công ty CPTVXD 305
Giám Đốc

M.S.D.N: 5100 300 084 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG 305
P. HÀ GIANG 2 - T. TUYÊN QUANG

Phạm Văn Hùng

2. Thông tin năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

2.1. Danh mục phép thử thực hiện tại trạm hiện trường

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị Thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG				
1	Độ mịn, khối lượng riêng	TCVN 4030:03; ASTM C184, C188, C204, C115; AASHTO T133; AASHTO T153; AASHTO T106, BS EN 196	Sàng , cân điện tử, đồng hồ, cân điện tử, bình Le chatelier, nhiệt kế Bình Le chatelier, cân điện tử, bể ổn nhiệt	Nguyễn Huy Biên Đoàn Văn Thúy Hoàng Tân Tiến
2	Xác định độ bền uốn và nén của xi măng	TCVN 6016:11; TCVN 5691:00; ASTM C109; ASTM C348; ASTM C349; AASHTO T106; BS EN 196; BS 1881	Tủ dưỡng hộ, máy trộn, khuôn 4x4x16cm, bàn dằn, gá uốn,gá nén, cân điện tử, đồng hồ	
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:15; TCVN 8875:12; TCVN 8876:12; ASTM C187, C191, C185; AASHTO T131, T129, BS EN 196, BS 1881	Cân điện tử, đồng hồ, ống đong có vạch, máy trộn, bộ vicat	
HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG				
4	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:22; AASHTO T119; ASTM C143	Bộ côn thử độ sụt, đồng hồ, thước đo	Nguyễn Huy Biên Đoàn Văn Thúy Hoàng Tân Tiến
5	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:22; AASHTO T22; ASTM C39	Máy nén, Thước đo, Thước góc, đồng hồ	
6	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:22; AASHTO T197; ASTM C78	Máy nén, Thước đo, gá uốn.	
THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA				
7	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:06; TCVN 9205:12; AASHTO T27, T11; BS EN 932; BS EN 933; ASTM C136; ASTM C33	Cân kỹ thuật , Bộ sàng tiêu chuẩn, Tủ sấy	Nguyễn Huy Biên Đoàn Văn Thúy Hoàng Tân Tiến
8	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06; AASHTO T84; ASTM C127, C128,	Cân kỹ thuật, Tủ sấy, Bình dung tích, Thùng ngâm mẫu, Côn thử độ	

		C33	sụt của côt liêu, Phễu, Que chọc, Bình hút ẩm, Sàng	
9	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06; AASHTO T85; ASTM C127	Cân kỹ thuật, Cân thủy tĩnh, giỏ đựng mẫu, Thước kẹp, Tủ sấy	
10	Xác định khối lượng thể tích và độ hổng	TCVN 7572-6:06; TCVN 10322:14, AASHTO T19M; ASTM C29	Thùng đong, Cân kỹ thuật, Phễu chứa vật liêu, Bộ sàng, Tủ sấy, Thước lá	
11	Xác định độ ẩm, độ hút nước	TCVN 7572-7:06, TCVN 10321:14, AASHTO T255, AASHTO T85	Cân kỹ thuật, Tủ sấy, Dụng cụ đảo mẫu	
12	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06; ASTM C117; AASHTO T112	Cân phân tích, Tủ sấy, Thùng rửa cốt liệu, đồng hồ, Tấm kính, Que hoặc kim sắt nhỏ	
13	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06; AASHTO T121; ASTM C40	Ống đong bằng thủy tinh, Cân phân tích, Bếp cách thủy, Sàng, Thang màu để so sánh, Thuốc thử	
14	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06; ASTM C2938, C33; ASTM D2938:95; AASHTO M6, M8; JIS M0302	Máy nén thủy lực, máy khoan và máy cắt đá, thước kẹp, thùng ngâm	
15	Xác định độ nén dập, hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06; BS 812; AASHTO M6, M8; ASTM C33	Máy nén thủy, Cân kỹ thuật, Bô sàng, tủ sấy, thùng ngâm mẫu	
16	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06; AASHTO T96; ASTM C131	Máy Los Angeles, cân kỹ thuật, Bộ sàng, Tủ sấy	
17	Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06; ASTM D4791; BS 812; AASHTO M6, M8; ASTM C33	Cân kỹ thuật, thước kẹp, bộ sàng, tủ sấy	
18	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:06; AASHTO T112; ASTM C142	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn, kim sắt và kim nhôm, Búa con	
19	Xác định hàm lượng hạt bị dập vỡ	TCVN 7572-18:06	Cân kỹ thuật, Kính lúp	
20	Hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:06; ASTM C123	Cân phân tích, Tủ sấy, Bộ sàng, Giấy nhám, đũa thủy tinh	
21	Xác định độ góc cạnh của cốt liệu mịn, độ góc cạnh của cốt liệu lớn	TCVN 8860-7:11; TCVN 11087:17	Thùng đong, phễu rót; tấm kính, cân điện tử, tủ sấy, sàng tiêu chuẩn, khay chia mẫu	
22	Xác định chỉ số (ES)	ASTM D2419;	Bộ dụng cụ đương lượng cát, hộp đong,	

		AASHTO T176	sàng, phễu, Chảo	
23	Cát nghiền cho bê tông và vữa: xác định hàm lượng hạt lọt qua sàng 0.075mm	TCVN9205:12; AASHTO T11	Cân phân tích, Bộ sàng, Thùng đựng mẫu, Khay đựng mẫu, Tủ sấy	
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG, CẤP PHỐI ĐÁ DĂM				
24	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12; AASHTO T100; ASTM D854	Bình tỷ trọng, máy hút chân không, cân điện tử, tủ sấy, nhiệt kế, bình hút ẩm	Nguyễn Huy Biên Đoàn Văn Thúy Hoàng Tân Tiến
25	Xác định độ ẩm, độ hút ẩm	TCVN 4196:12; AASHTO T265; ASTM D2216	Tủ sấy, cân điện tử, bình hút ẩm, cốc thuỷ tinh, rây, cốc chảy sứ	
26	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12; AASHTO T89; AASHTO T90; AASHTO T91	Sàng, cối sứ, chày cao su, bình thuỷ tinh, cân điện tử, cốc thuỷ tinh hoặc hộp nhôm, tủ sấy, dao, bộ chảy dẻo	
27	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:14, AASHTO T88; ASTM D2487	Cân điện tử, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy	
28	Xác định độ chặt tiêu chuẩn, đầm nén đá dăm	TCVN 4201:12; TCVN 12790:20; 22TCN 333:06; AASHTO T99	Cối to, Cối nhỏ, chày đầm, cân, tủ sấy, sàng, máy đầm,	
29	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:12; ASTM D7263; AASHTO T100; AASHTO T204; AASHTO T191, T205, T233	Dao vòng, cân điện tử , tủ sấy	
30	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)	22TCN 332:06; TCVN 12792:20; ASTM D1883; AASHTO T193;TCVN 8821:11	Máy nén đa năng, khuôn CBR, chày đầm, thùng ngâm mẫu, dụng cụ đo chương nở, tủ sấy, cân điện tử, sàng	
31	Xác định cường độ đá gốc	TCVN7572-10:2006	Máy nén, máy khoan, máy cắt, thước kẹp, thùng ngâm mẫu	
32	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726:12; AASHTO T267	Tủ sấy,lò nung,sàng,cân điện tử	
33	Xác định hàm lượng muối trong đất	TCVN 8727:12; TCVN 9436:12	Sàng, cân điện tử,hóa chất, bếp ga	Đoàn Văn Thúy
THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG				
34	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:20; 22TCN 02:71; TCVN 8729:12; AASHTO T204; BS 1377; TCVN 8728:12; TCVN 8730:12	Cân điện tử, sàng, dao đai, búa, bàn chải lông	Nguyễn Huy Biên Đoàn Văn Thúy Hoàng Tân Tiến Võ Mạnh Cường
35	Độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:12; 22TCN 346:06; ASTM D1556;	Bộ phễu rót cát, Cân điện tử	

		AASHTO T191; BS 1377		
36	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:11; ASTM E950, E1082	Bộ thước 3 mét	
37	Phương pháp thử nghiệm xác định môđun đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:11; ASTM D4395	Bộ đo E bằng tấm ép cứng, đồng hồ so, cát sạch, thước nivô	
38	Xác định môđun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:11; ASTM D4695; AASHTO T256	Bộ đo võng cần Benkelman, đồng hồ so, Kich thủy lực, xe tải	
39	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11; ASTM E965; AASHTO T278	Bộ thủ độ nhám Thước dài 500mm, chổi lông	
THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN				
40	Thử kéo vật liệu kim loại	TCVN 197-1:2014,TCVN 6288:97; TCVN 1824:93; TCVN 7937:13; ASTM A615; ASTM A370; AASHTO M111; ASTM A36; ASTM A53; ASTM B209; ASTM A709M; AASHTO M270M	Máy thử kéo - nén – uốn, Thước kẹp và thước cuộn, máy cắt, cân điện tử	Nguyễn Huy Biên Đoàn Văn Thúy Hoàng Tân Tiến
41	Thử uốn vật liệu kim loại	TCVN 198:08; TCVN 6287:97; AASHTO T24; ASTM E290	Máy thử kéo - nén - uốn, bộ gối uốn, máy cắt	
42	Xác định kích thước hình học	TCVN 11227:2015; TCVN 1691:1975	Thước kẹp, thước cuộn, thước góc	
THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA				
43	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11; AASHTO T245, ASTM D1559	Máy nén, máy đầm, khuôn đúc mẫu, tủ sấy, bể ổn nhiệt, thiết bị tháo gỡ, nhiệt kế đồng hồ	Nguyễn Huy Biên Đoàn Văn Thúy Hoàng Tân Tiến Võ Mạnh Cường
44	Phương pháp xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy ly tâm	TCVN 8860-2:11; AASHTO T164, ASTM D2172	Máy chiết, giấy lọc, tủ sấy, cân điện tử, khay ngâm, lò nung, cốc nung, bình đựng dung dịch, bàn chải,	
45	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11; AASHTO T72, ASTM C136	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân điện tử, tủ sấy, chổi quét, khay đựng,	
46	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11; AASHTO T209, ASTM D2041	Bình tỷ trọng, bình hút chân không, cân điện tử, nhiệt kế	
47	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:11; AASHTO T269, ASTM D3203	Cân điện tử, bể ngâm giá treo, tủ sấy, nhiệt kế	

48	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:11	Thùng đong, phễu rót; tấm kính, cân điện tử, tủ sấy, sàng tiêu chuẩn, khay chia mẫu	
49	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:11	Cân điện tử, tủ sấy, cân thuỷ tĩnh, khăn thấm	
50	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11	Bình tỷ trọng, bình hút chân không, máy hút chân không, khuôn đúc mẫu, máy đầm, cân điên tử, tủ sấy	
51	Phương pháp xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11	Bình tỷ trọng, máy hút chân không, khuôn đúc mẫu, máy đầm, cân điên tử, tủ sấy	
52	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11	Bình tỷ trọng, bình hút chân không, máy hút chân không, khuôn đúc mẫu, máy đầm, cân điên tử, tủ sấy	
53	Xác định độ ổn định của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11	Máy nén, máy đầm, khuôn đúc mẫu, tủ sấy, bể ổn nhiệt, thiết bị tháo gỡ, nhiệt kế đồng hồ	
54	Xác định khối lượng thể tích của bê tông nhựa bằng phương pháp bọc parafin	AASHTO T275	Cân điện tử, bể ngâm giá treo, tủ sấy, nhiệt kế	
55	Thí nghiệm môđun đàn hồi bê tông nhựa	22TCN 211:06; ASTM D3497; ASTM D7369/D4123; EN12697-26	Bộ đo võng cần Benkelman, đồng hồ so, Kich thủy lực, xe tải	
56	Xác định sức kháng trượt bằng con lắc Anh	TCVN 10271:14; AASHTO T278; ASTM E203	Thiết bị con lắc Anh	
THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA				
57	Bột khoáng cho bê tông nhựa: Xác định thành phần hạt, lượng mất khi nung, hàm lượng nước, khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ rỗng dư, hệ số háo nước, hàm lượng chất hoà tan trong nước, độ trương nở thể tích, chỉ số hàm lượng nhựa	22TCN 58:84; ASTM D5329; AASHTO T27	Bình tỷ trọng, cân điện tử, tủ sấy, bình hút ẩm, Bộ sàng tiêu chuẩn, Bô thí nghiệm chảy dẻo, bình xịt, cốc trộn, Ống đong thuỷ tinh, bát, chày sứ, đũa thuỷ tinh, nước cất,lò nung	Nguyễn Huy Biên Đoàn Văn Thúy Hoàng Tân Tiến Võ Mạnh Cường
THỬ NGHIỆM NHỰA BI TUM				
58	Xác định độ kim lún, chỉ số kim lún PI theo phụ lục II - Thông tư 27/1014-BGTVT	TCVN 7495:2005; ASTM D5; ASHTO T49	Bộ kim lún , cốc đựng mẫu, bếp ga, đồng hồ bấm giờ, nhiệt kế	Nguyễn Huy Biên Đoàn Văn Thúy Hoàng Tân Tiến Võ Mạnh Cường
59	Xác định nhiệt độ hóa mềm (PP vòng và bi)	TCVN 7497:05; ASTM D36; AASHTO T53	Bộ xác định điểm hoá mềm	
60	Xác định độ dính bám đối	TCVN 7504:05;	Bếp đun, Bình ngâm	

	với đá .	ASTM D3625;AASHTO T182	mẫu, Kính lúp, giá treo	
THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG				
61	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:22	Bộ sàng tiêu chuẩn, Cân kỹ thuật, Tủ sấy	Nguyễn Huy Biên Đoàn Văn Thúy Hoàng Tân Tiến
62	Xác định cường độ uốn và nén của vữa	TCVN 3121-12:22; ASTM C109	Khuôn, chày đầm mẫu, tủ dưỡng hộ mẫu, tấm kính, máy thử uốn, nén	

2.2. Máy móc, thiết bị chính để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm

STT	Tên máy móc (Model) , thiết bị và đặc trưng kỹ thuật	Xuất Xứ	Số Lượng
I	**CƠ LÝ , HOÁ XI MĂNG, VỮA**		
1	Bình tỷ trọng xi măng Dùng để đo tỷ trọng xi măng Thể tích 250 ml Vạch chia từ 0 - 1 ml và từ 18 - 24 trên cổ bình Độ chính xác 0,5 ml	TQ	2
2	Dụng cụ Vica Dùng xác định độ dẻo tiêu và thời gian đông kết, thời gian kết thúc đông kết của xi măng Bao gồm: Thân chính gắn thước, thanh dẫn chuẩn, 3 kim chuẩn, khâu chuẩn, tấm kính.	TQ	1
3	Máy dằn vữa xi măng tiêu chuẩn Model: ZS-15 Biên độ rung: 15+/-0,3mm;	TQ	1
4	Máy nén xi măng 300KN Model: TYA-300 Nhãn hiệu: Longchen - Hiện thị bằng đồng hồ điện tử hiện số, độ chính xác cao - Khả năng nén: 0-300KN - Khả năng đọc: 0,01kN - Cấp chính xác: Cấp 1	TQ	1
5	Bộ gá nén mẫu xi măng 40x40mm	TQ	1
6	Bộ gá uốn mẫu xi măng 40x40x160mm	TQ	1
7	Khuôn Le Chatelier	TQ	10
8	Khuôn 40x40x160 kép 3, bằng thép	VN	10
9	Sàng D200mm, 0.090mm	TQ	1
10	Sàng D200mm, 0.045mm	TQ	1
II	**THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG**		

11	Máy nén bê tông 2000KN Model: TYA-2000 Nhãn hiệu:Longchen Khả năng nén Max: 2000KN	TQ	1
III	**CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA**		
12	Bộ chia mẫu 1/2", kèm 2 khay hứng mẫu	VN	1
13	Bộ chia mẫu 1", kèm 2 khay hứng mẫu	VN	1
14	Phễu xác định độ xốp của đá, không kèm thùng đong	VN	1
15	Phễu xác định độ xốp của cát, không kèm thùng đong	VN	1
16	Thùng dung trọng 1 lít (Hộc đong)	VN	1
17	Thùng dung trọng 2 lít (Hộc đong)	VN	1
18	Thùng dung trọng 3 lít (Hộc đong)	VN	1
19	Thùng dung trọng 5 lít (Hộc đong)	VN	1
20	Thùng dung trọng 10 lít (Hộc đong)	VN	1
21	Thùng dung trọng 15 lít (Hộc đong)	VN	1
22	Thùng dung trọng 20 lít (Hộc đong)	VN	1
23	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (Bình rửa đá)	VN	1
24	Thiết bị xác định hàm lượng sét của cát (Bình rửa cát)	VN	1
25	Bộ xác định đương lượng cát Bao gồm: Hộp gỗ, 3 ống mẫu chuẩn, dụng cụ xác định.	VN	1
26	Bộ xi lanh nén dập đá dăm D150	VN	1
27	Bộ xi lanh nén dập đá dăm D75	VN	1
27	Dụng cụ hấp phụ nước của cát (Bộ côn chày hấp phụ nước của cát)	VN	1
29	Bộ kim sắt xác định độ phong hoá của đá (3 chiếc/bộ)	VN	1
IV	**THÍ NGHIỆM ĐẤT**		
30	Máy nén CBR 50KN,30KN (loại dùng cung lực) Model: CBR-2	TQ	1
31	Khuôn CBR tiêu chuẩn mạ cầu vồng - VN Phù hợp với TCVN, ASTM Gồm: Thân khuôn, cổ khuôn, đế khuôn, đĩa đo trương nở, quả gia tải có rãnh, quả gia tải không rãnh, giá đỡ đồng hồ so, đồng hồ so 10x0,01mm.	VN	20
32	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo của đất - VN Bao gồm: Tấm kính, bình xịt, 3 cốc ẩm, dao trộn, bát trộn, hộp đựng.	VN	1

33	Thiết bị xác định giới hạn chảy casagrande - VN Bao gồm: Bộ dụng cụ xác định độ giới hạn chảy của đất kèm bộ đếm, dụng cụ khía rãnh, miết rãnh, dao trộn, bát trộn, hộp đựng bằng gỗ.	VN	1
34	Cối Proctor tiêu chuẩn – VN	VN	1
35	Chày Proctor tiêu chuẩn – VN	VN	1
36	Cối Proctor cải tiến – VN	VN	1
37	Chày Proctor cải tiến – VN	VN	1
V	**BÊ TÔNG NHỰA**		
38	Bộ dụng cụ xác định khối lượng riêng của bê tông nhựa phù hợp theo TCVN 8860-4:2011 Bao gồm: Bình tam giác có vòi 1000ml (03 ch) Bình tam giác có vòi 2.5 lít (01 ch) Bơm chân không (01 ch) Ống cao su (02 m) Đồng hồ áp (02 ch) Van đồng cho hút chân không, các dây nối và van khóa	VN	1
39	Máy nén marshall- Điện tử hiển thị số Model: FY-3A	TQ	1
40	Tủ sấy 300C chỉ thị điện tử Model: 101-2ADung tích: 136 lít	TQ	1
41	Bể ổn nhiệt marshall điện tử Model: CF-B Dung tích bể: 40 lít	TQ	1
42	Máy triết nhựa	TQ	1
43	Bộ góc cạnh cát	VN	1
44	Xác định sức kháng trượt bằng con lắc Anh	VN	1
45	Thí nghiệm môđun đàn hồi bê tông nhựa	VN	1
46	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	VN	1
VI	**BITUM**		
47	Bộ kim lún nhựa tự động Model: DF-6	TQ	1
48	Thiết bị hoá mềm nhựa tự động Model: DF-12	TQ	1
IX	**THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG**		
49	Bộ đo E bằng tấm ép tĩnh Bao gồm: Tấm ép D340mm, kích thuỷ lực 32tấn gắn đồng hồ chỉ thị lực 16 tấn, bộ giàn đỡ thiên phân kế, 02 đồng hồ sơ 10x0,01mm	VN	1

50	Bộ xác định độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát. Bao gồm: Hộp gỗ, ống đong tiêu chuẩn, bàn xoa chuẩn, chổi mềm.	VN	1
51	Thước đo hạt dài dẹt, tỷ lệ 1:3	VN	1

2.3. Danh sách nhân sự tại trạm thí nghiệm hiện trường

TT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ đào tạo
1	Phạm Văn Hùng	Trưởng trạm	Kỹ sư xây dựng dân dụng	Kiểm tra chất lượng công trình
2	Nguyễn Huy Biên	Nhân Viên	Kỹ sư xây dựng	Thí ngjieemj vữa, bê tông xi măng và vật liệu chế tạo
3	Đoàn Văn Thúy	Nhân viên	Trung cấp nghề	Kiểm tra chất lượng công trình
4	Hoàng Tân Tiến	Nhân viên	Sơ cấp thí nghiệm	Phương pháp xác định tính chất cơ lý của vật liệu kim loại và liên kết hàn
5	Võ Mạnh Cường	Nhân viên	Cao đẳng	Thử nghiệm tính chất cơ lý bê tông

3. Tổ chức cam kết:

Công ty cổ phần tư vấn xây dựng 305 xin cam kết:

- Thông tin cung cấp đầy đủ, trung thực, chính xác
- Chịu trách trước pháp luật về nội dung công bố
- Cập nhật khi có thay đổi theo quy định.
- Thiết bị thí nghiệm đáp ứng yêu cầu để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm đã công bố;
- Thí nghiệm viên có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực thí nghiệm;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính phù hợp của thiết bị và năng lực của thí nghiệm viên tham gia hoạt động thí nghiệm.
- Thông tin này đã được Công ty cổ phần tư vấn xây dựng 305 đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị tại địa chỉ : tuvanxaydung305.com
- Công ty cổ phần tư vấn xây dựng 305 kính đề nghị Sở Xây Dựng xem xét, tiếp nhận và đăng tải thông tin năng lực của đơn vị trên cổng/trang thông tin điện tử của sở theo quy.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG 305

Nơi nhận:

- *Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng;*
- *Các tổ chức, doanh nghiệp, chủ đầu tư liên quan;*
- *Lưu: VP; Phòng thí nghiệm*

M.S.D.N: 5100 300 084 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG 305
P.HÀ GIANG 2-T.TUYÊN QUANG

GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Hùng